

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2025/DS-ST**

Ngày: 06- 3- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 887/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 2, tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng F, tòa nhà P, số B, đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- + Ông Nguyễn Hải T1; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, vắng mặt.
- + Ông Võ Thành N; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, có mặt.
- + Ông Phan Hồng H; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Xuân N1; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng F, tòa nhà P, số B, đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q (theo văn bản ủy quyền số 254755.24 ngày 14/11/2024).

2. Bị đơn:

+ Ông Trần Quang T2, sinh năm 1988; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thúy T3, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A đường V, Tổ F, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Võ Thành N trình bày:**

Giữa Ngân hàng TMCP Q (V)- Chi nhánh G- Phòng G1 với ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 5811559.22 ngày 12/4/2022 nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 1.330.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, số loại E180FL213076, số khung RLMZF7GX0MV006263, số máy: 26491530445354, biển kiểm: 61K- 060.53

- Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 20/4/2022;

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm và được áp dụng 12 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông T2 và bà T3 đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mercedes, số loại E180FL213076, số khung RLMZF7GX0MV006263, số máy: 26491530445354, biển số: 61K- 060.53 do Phòng Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quang T2 ngày 09/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3222483.22 ngày 12/4/2022

Ngày 02/8/2022, ông T2 và bà T3 có đơn Đề nghị phát hành thẻ. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho ông T2 và bà T3 mới hạn mức tín dụng 130000.000đ, lại thẻ V 2 in 1; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất theo quy định của V trong từng thời kỳ.

Quá trình vay, tính đến ngày 14/6/2023 ông T2 và bà T3 đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 200.197.795đ, trong đó nợ gốc 129.305.554đ và tiền lãi 70.892.241đ. Kể từ ngày 14/6/2023 đến nay ông T2 và bà T3 không trả cho ngân hàng thêm khoản nào kể cả số tiền theo hợp đồng tín dụng cũng như số tiền theo đơn yêu cầu phát hành thẻ khác dù đã được Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông T2 và bà T3 trả nợ nhưng ông T2 và bà T3 vẫn không trả nên buộc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q (V) tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/3/2025 là 2.002.757.608đ, trong đó:

- Tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 5811559.22 ngày 12/4/2022 là 1.200.694.446đ, nợ lãi trong hạn 61.993.976đ, lãi quá hạn 522.645.573đ, tổng cộng 1.785.333.995đ.

- Tiền gốc theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 02/8/2022 là 117.422.522đ, lãi trong hạn 0đ, lãi quá hạn 63.516.190đ, phí 36.484.901đ, tổng cộng 217.423.613đ.

+ Ngoài ra, ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V), theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 02/8/2022 mà hai bên đã ký kết.

- Về xử lý tài sản thế chấp: 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mercedes, số loại E180FL213076, số khung RLMZF7GX0MV006263, số máy: 26491530445354, biển số: 61K- 060.53 do Phòng C Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quang T2 ngày 09/4/2022, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

*** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn ông Trần Quang T2 và bà Phạm Thúy T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng :

[1.1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn ông Trần Quang T2 và bà Phạm Thúy T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngân hàng TMCP Q (V)- Chi nhánh G- Phòng G1 với ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 5811559.22 ngày 12/4/2022 Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3222483.22 ngày 12/4/2022.

Ngày 12/4/2022, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông T2 và bà T3 số tiền vay 1.330.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6331492.22. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, do phía ông T2 và bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đã được Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện.

Về phía bị đơn ông T2 và bà T3 đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Xét thấy: Việc ông T2 và bà T3 ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Q như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Do ông T2 và bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Q từ ngày 14/6/2023 cho đến nay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 **trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.200.694.446đ, nợ lãi trong hạn 61.993.976đ, lãi quá hạn 522.645.573đ, tổng cộng 1.785.333.995đ là có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 phải tiếp tục trả lãi từ ngày 07/3/2025** đến khi trả xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

[2.2] Đối với số tiền thế tín dụng với tiền nợ gốc 117.422.522đ, lãi trong hạn 0đ, lãi quá hạn 63.516.190đ, phí 36.484.901đ, tổng cộng 217.423.613đ: Xét thấy: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ ngày 02/8/2022, Ngân hàng TMCP Q đồng ý cho ông T2 vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng V in 1 với hạn mức tín dụng là 130.000.000^d. Việc các bên thực hiện giao dịch tín dụng theo yêu cầu của ông T2 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Theo như bảng sao kê tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2022 mà ngân hàng đã cung cấp thì số tiền ông T2 đang còn nợ ngân hàng số tiền gốc, lãi và phí là 217.423.613đ. Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ là hoàn toàn phù hợp.

Như vậy, theo như Đề nghị phát hành thẻ ngày 02/8/2022 thì chỉ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông T2, còn bà T3 hoàn toàn không ký tên trong đơn yêu cầu nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T3 có trách nhiệm liên đới với ông T2 để trả cho ngân hàng số tiền 217.423.613đ là không có căn cứ mà chỉ có căn cứ buộc ông T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 217.423.613đ theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 02/8/2022.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP Q với ông T2, bà T3 đã ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số **3222483.22 ngày 12/4/2022** với tài là 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mercedes, số loại E180FL213076, số khung RLMZF7GX0MV006263, số máy: 26491530445354, biển số: 61K- 060.53 do Phòng C Công an tỉnh B cấp cho **ông Trần Quang T2 ngày 09/4/2022. Tuy nhiên**, do Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;
- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 06/3/2025 là 1.785.333.995đ (**Một tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng**), **trong đó:** Số tiền nợ gốc 1.200.694.446đ (Một tỷ hai trăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn 61.993.976đ (Sáu mươi một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng), lãi quá hạn 522.645.573đ (Năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5811559.22 ngày 12/4/2022

Kể từ ngày 07/3/2025 đến khi thi hành án xong, ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5811559.22 ngày 12/4/2022khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Sau khi ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký **xe ô tô số 61037005 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Quang T2 ngày 09/4/2022.**

- Buộc ông Trần Quang T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 06/3/2025 là 217.423.613đ (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm mười ba đồng), trong đó: Tiền nợ gốc dư nợ thẻ tín dụng là 117.422.522đ (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm hai mươi hai đồng), lãi quá hạn 63.516.190đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi đồng), phí 36.484.901đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm lẻ một đồng) theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 20/8/2022.

Kể từ ngày 07/3/2025, đến khi thi hành án xong ông T2 còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ ngày 20/8/2022.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu bà Phạm Thúy T3 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Quang T2 trả cho Ngân hàng toàn số tiền dư nợ thẻ tín dụng là 217.423.613đ (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm mười ba đồng) theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 20/8/2022

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Quang T2, bà Phạm Thúy T3 phải liên đới chịu số tiền 65.560.000đ (Sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Ông Trần Quang T2 phải chịu số tiền 10.871.000đ (Mười triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng).

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 27.495.015đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn không trăm mười lăm đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số 0001016, ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng